

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ- ST
Ngày 08 tháng 6 năm 2022
V/v “Ly hôn và giao con khi ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + *Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* ông Đỗ Thế Bình.
- + *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Đức Phú, ông Đỗ Văn Sơn.
- + *Thư ký phiên toà:* bà Hạp Thị Thu Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- + *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thúy- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08/6/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 198/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐST- HNGĐ ngày 28/04/2022 giữa:

+ **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Kim T- Sinh năm 1990.

HKTT: Đại đội 12 Tiểu Đoàn 5, trường Quân sự quân khu 2, địa chỉ: phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)).

+ **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H- Sinh năm 1991.

HKTT: Số 333, xóm Diệc, khu Trà Xuyên, phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, ý kiến trình bày của anh T và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Sau thời gian đi lại tìm hiểu, ngày 19/7/2014 anh và chị Nguyễn Thị H tiến tới hôn nhân, quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H xuất phát trên tinh thần tự do, tự nguyện được UBND phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn do điều kiện công tác và làm việc, vợ chồng sống cùng gia đình nhà vợ ở: Xóm Diệc, khu Trà Xuyên, phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Những năm

đầu chung sống, đời sống tình cảm không có mâu thuẫn gì. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu nảy sinh khoảng 03 năm trở lại đây, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề kinh tế, anh là sĩ quan quân đội mới ra trường lương thấp lại phải có trách nhiệm chu cấp tiền bạc để phụng dưỡng, chữa bệnh cho bố mẹ nên không thể đóng góp đầy đủ các khoản chi phí cho gia đình, mọi chi phí sinh hoạt gia đình và nuôi con đều do chị H gánh đáng. Để có thu nhập ngoài làm việc ở công ty tại khu công nghiệp Samsung, chị H còn tham gia chơi, kinh doanh mua bán tiền ảo trên mạng. Thấy việc kinh doanh tiền ảo của vợ là trái phép anh đã góp ý song chị H không tiếp thu vì thế đời sống tình cảm vợ chồng rạn nứt, quan hệ vợ chồng vì vậy mà thưa thớt hơn, anh và chị H đã ly thân từ tháng 7/2021 (hiện anh sống tại đơn vị còn chị H sống ở Bắc Ninh). Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, anh T đề nghị tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc Nguyên, sinh ngày 27/7/2015, hiện cháu Nguyên đang sống cùng chị H. Nếu vợ chồng ly hôn anh T đề nghị tòa án giao con chung là cháu Nguyên cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc; Về đóng góp phí tổn nuôi con: Anh sẽ có trách nhiệm đóng góp nuôi con với mức đóng 2.000.000đ/tháng đến khi cháu Nguyên đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức đóng góp: Anh T không đề nghị giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh T kết hôn năm 2014 được UBND phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc Nguyên. Sau khi kết hôn do anh T là sĩ quan quân bộ đội mới ra trường, thu nhập còn hạn hẹp lại đóng quân xa nhà (tại Trường quân sự Quân khu 2- Vĩnh Phúc) còn chị làm việc tại Bắc Ninh nên vợ chồng sống phải ở nhờ nhà bố, mẹ đẻ của chị ở khu Trà Xuyên, phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh (do điều kiện công tác nên cứ vào cuối tuần, hoặc ngày nghỉ, ngày lễ anh T mới về nhà với vợ, con). Quá trình chung sống đời sống tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không có mâu thuẫn gì. Tuy anh T mới ra trường lương thấp lại phải lo cung cấp tiền bạc phụng dưỡng cha mẹ không đóng góp được bao nhiêu, song chị vẫn cảm thông và không có bất cứ yêu sách hay yêu cầu gì về trách nhiệm đóng góp kinh tế của anh T. Anh T trình bày vợ chồng ly thân từ tháng 7/2021 là không đúng, lý do vợ chồng ít gặp vì điều kiện công tác, khoảng cách địa lý và do ảnh hưởng của dịch Covid- 19 anh T là quân nhân nên bị đơn vị cấm trại, mục đích anh T muốn ly hôn với chị vì anh T đang có quan hệ tình cảm bất chính với người phụ nữ khác. Việc anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác đã được anh thừa nhận trong nội dung tin nhắn với chị, để chứng minh chị H có sao gửi cho tòa án nội dung tin nhắn trên mạng Zalo giữa chị và anh T cũng như nội dung bản thu âm cuộc nói chuyện trên điện thoại giữa chị và người phụ nữ anh T có quan hệ tình cảm “*Nội dung nói chuyện người phụ nữ thừa nhận có quan hệ tình cảm và chung sống như vợ chồng với anh T*”, chị H không đồng ý ly hôn.

Quá trình tố tụng, tòa án có công văn trao đổi với lãnh đạo Trường quân sự Quân khu 2, ngày 21/4/2022 Trường quân sự Quân khu 2 có văn bản trả lời, “Anh Nguyễn Kim T, Cấp bậc: Thượng úy; Chức vụ: Chính trị viên đại đội 1, Tiểu đoàn 5, là quân nhân do nhà trường quản lý, hiện anh T đang cư trú, sinh hoạt tại đơn vị, quá trình theo dõi, quản lý, rèn luyện cán bộ không thấy anh T có quan hệ chung sống như vợ chồng với người khác và cũng không thấy có dư luận phản ánh việc anh T có quan hệ bất chính với người khác”.

Tại phiên tòa anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H và giao con chung là cháu Nguyễn Phúc Nguyên, sinh ngày 27/7/2015 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Anh T có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi cháu Nguyên với mức đóng 2.000.000đ/tháng đến khi cháu Nguyên đủ 18 tuổi; Ngoài những yêu cầu như đã nêu anh T không còn bất cứ yêu cầu nào khác.

Chị H được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Cũng tại phiên tòa sau khi đánh giá việc chấp hành và thực hiện pháp của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa là nghiêm túc; Việc chấp hành và thực hiện pháp luật của nguyên đơn là là nghiêm chỉnh, của bị đơn là chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về đường lối giải quyết vụ án đại diện viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 259 của BLTTDS tạm ngừng phiên tòa để xác minh và làm rõ thêm tình trạng hôn nhân, mức độ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết hợp với kết quả thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1, Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Kim T thấy anh T yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị H và giao con chung là cháu Nguyễn Phúc Nguyên khi ly hôn. Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy, quan hệ tranh chấp giữa anh T và anh chị H là “*Tranh chấp ly hôn và giao con chung khi ly hôn*”. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa bị đơn là chị H đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng, căn cứ Điều 228 của BLTTDS hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật.

2. *Về nội dung*: Anh Nguyễn Kim T và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 19/7/2014 trên tinh thần tự do, tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn, được UBND phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (nơi chị H cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú) làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn do điều kiện công tác, điều kiện kinh tế vợ chồng chưa thể tạo dựng được chỗ ở nên vợ chồng phải sống cùng gia đình nhà chị H tại xóm Diệc, khu Trà Xuyên, phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh. Quá trình chung sống như anh T trình bày đời sống tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề kinh tế, đồng thời bản thân anh cũng thừa nhận mọi chi phí sinh hoạt của gia đình cơ bản do chị H gánh vác, thu nhập của anh ngoài chi tiêu cho bản thân, anh còn gửi về phụng dưỡng cho bố mẹ đẻ vì thế dẫn đến việc chị H coi thường gia đình chồng, không làm tròn bổn phận làm con, làm dâu trong gia đình, số lần và thời gian chị H về thăm bố mẹ chồng chỉ đếm trên đầu ngón tay. Việc chị H không đồng ý ly hôn và xuất trình chứng cứ là nội dung tin nhắn qua mạng zalo giữa anh và chị H để chứng minh động cơ, mục đích xin ly hôn của anh không phải do mâu thuẫn vợ chồng mà là do anh không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ có số điện thoại 0569671279 là không đúng sự thật, việc này đã được lãnh đạo đơn vị nơi anh công tác có văn bản trả lời, còn nội dung nói chuyện thể hiện trên mạng xã hội zalo giữa anh và chị H (tại BL53-54) với nội dung anh có nhắn tin với chị H “Có phát sinh và quan hệ tình cảm với người phụ nữ có số điện thoại 0569712279 là do bị chị H ép buộc” chị H ép anh phải nhận có quan hệ và phát sinh tình cảm với người khác thì mới chấp nhận chia tay, vì thế anh mới nói dối chị H là có quan hệ tình cảm với người khác, thực tế anh không phản bội vợ con”. Tại phiên tòa chị H không đến tham gia phiên tòa, song tại đơn trình bày tòa án nhận ngày 31/5/2022, chị H khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh T có gì, mục đích anh T muốn ly hôn do anh T đã có người phụ nữ khác, chị H đề nghị tòa xem xét để bảo vệ quyền lợi cho chị

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H và những căn cứ anh T đưa ra để chứng minh cho tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, thấy quá trình chuẩn bị xét xử anh T đưa lý do mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh lương thấp, bố mẹ già yếu, bệnh tật anh phải chu cấp phụng dưỡng lên không đóng góp được nhiều cho vợ con, mọi chi phí sinh hoạt của gia đình đều do chị H lo toan, càng đáng song chị H không phàn nàn gì, tuy chị H có tham gia kinh doanh tiền ảo song cũng không nợ lãi hay làm phát tán tài sản của gia đình. Tại phiên tòa anh lại trình bày chị H

không có sự cảm thông chia sẻ với hoàn cảnh của anh thường xuyên nhấn tin gây sức ép với anh về tiền bạc làm cho anh luôn ở trạng căng thẳng. Xét ý kiến trình bày của anh T về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là không thống nhất và anh T cũng không ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H đã đến mức trầm trọng, trong khi chị H lại đưa ra chứng cứ chứng minh việc anh ngoại tình, không chung thủy. Tại phiên tòa anh T cho rằng, anh không phản bội chị H, nội dung anh nói với chị H thông qua tin nhắn trên mạng xã hội zalo và chị H sử dụng làm chứng cứ chứng minh anh ngoại tình là do anh bị chị H ép buộc bắt anh phải thừa nhận có quan hệ với người phụ nữ khác thì mới chấp nhận chia tay, song khi xem xét lại toàn bộ nội dung tin nhắn của vợ chồng không thấy bất cứ nội dung nào thể hiện chị H ép buộc và bản thân anh T cũng không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh anh bị ép buộc. Trong khi đó ngoài cung cấp tài liệu là nội dung tin nhắn thể hiện nội dung anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ có số thuê bao điện thoại số 0569671279 chị H còn cung cấp cho tòa án 01 USB ghi lại nội dung cuộc nói chuyện giữa chị H và người phụ nữ có thuê bao điện thoại số 0569671279 và người phụ nữ này thừa nhận có quan hệ như vợ chồng với anh T.

Từ những phân tích và nhận định trên hội đồng xét xử xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H xuất phát từ việc anh T không chung thủy, mục đích anh T muốn ly hôn để được hợp thức hóa quan hệ hôn nhân với người phụ nữ có điện thoại thuê bao số 0569671279, còn thực chất tình trạng quan hệ hôn nhân của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung vẫn có thể hàn gắn và duy trì nên thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Tại phiên tòa anh T trình bày và đưa ra nhiều lý do để chứng minh mâu thuẫn vợ chồng và các lý do anh đưa ra là không thống nhất. Thận trọng đại diện Viện kiểm sát có ý kiến đề nghị ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ thêm về tình trạng hôn nhân và mức độ mâu thuẫn giữa anh T và chị H. Song quá trình chuẩn bị xét xử Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải ngừng phiên tòa, các chứng cứ tài liệu tòa án thu thập đã đầy đủ và bản thân anh T tại Biên bản làm việc ngày 16/5/2022 với tòa án anh cũng đã thừa nhận nội dung tin nhắn do chị H cung cấp cho tòa án là của anh và chị H; Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị H thì chỉ những người trong cuộc nắm được, chính quyền khu Trà Xuyên cũng như hàng xóm xung quanh cũng không nắm được bởi do điều kiện công tác và cư trú vợ chồng thời gian vợ chồng sống chung ít.

+ *Về con chung, tài sản chung*: Do yêu cầu ly hôn của anh T không được chấp nhận nên vấn đề giao con chung khi ly hôn và các vấn đề có liên quan khác không đặt ra giải quyết.

3. *Về án phí*: Anh Nguyễn Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Kim T về việc đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị H và giao con chung khi ly hôn.

2. *Về án phí*: Anh Nguyễn Kim T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm theo Biên lai thu số AA/2021/0001147 ngày 14/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

3. *Về quyền kháng cáo*: Anh Nguyễn Kim T có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSNDTP BN;
- Chi cục THADSTPBN;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thế Bình

